TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị K P, sinh năm 1974
- Bị đơn: Ông Dương B T, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Số X, Tổ Y, Ấp Z, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
(Bà P và Ông T đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2019 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị K P trình bày:*

Bà P và ông Dương B T chung sống với nhau từ năm 1991. Vợ chồng sống chung có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và không còn quan tâm đến gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng Ông T vẫn không sửa đổi, mà còn đánh đập bà. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương B T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và Ông T có 02 con chung: Dương Thị H T, sinh năm 1993 và Dương Thị Q N, sinh ngày 30/8/2003. Khi ly hôn, đối với cháu T đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung bất kỳ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai ngày 02/07/2019, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Dương B T trình bày:*

Lời trình bày của bà P về hôn nhân, con, tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật. Ông T và bà Trần Thị K P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà P ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và bà P yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà Trần Thị K P.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà P có 02 con chung: Dương Thị H T, sinh năm 1993 và Dương Thị Q N, sinh ngày 30/8/2003. Khi ly hôn, đối với cháu T đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông đồng ý giao cháu N cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng; do bà P không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con nên ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung bất kỳ ai nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 14, 51, 53 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Điều 28, 35, 39, 147; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị K P và ông Dương B T là vợ chồng. Giao cháu Dương Thị Q N, sinh ngày 30/8/2003 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Dương B T có nơi cư trú tại Ấp Y, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên. Vì vậy,

quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà P khởi kiện đối với ông T. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà P là nguyên đơn, Ông T là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận đã chung sống với nhau năm 1991 và không đăng ký kết hôn; lời khai của các đương sự phù hợp với Biên bản xác minh ngày 05/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P L và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 75/UBND-XNTTHN ngày 04/7/2019 của UBND xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ Điều 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông Tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án xét xử vụ án, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là vợ chồng.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà P và ông T thừa nhận: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là: Dương Thị H T, sinh năm 1993 và Dương Thị Q N, sinh ngày 30/8/2003. Khi ly hôn, đối với cháu T hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu N, các đương sự thỏa thuận: Giao cháu N cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không Trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[2.3.] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[2.4.] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000;
- Điều 9, 14, 51, 53, 57của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông Tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa

án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị K P và ông Dương B T là vợ chồng.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà P và Ông T thừa nhận: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là: Dương Thị H T, sinh năm 1993 và Dương Thị Q N, sinh ngày 30/8/2003. Khi ly hôn, đối với cháu T hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu N, các đương sự thỏa thuận: Giao cháu N cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị K P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 008021 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà P và Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Phi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi